TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn C D.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lâm V B.
Ông Nguyễn V D.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn T H là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần T H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Nhan T N, sinh năm 2000.
Cư trú tại: ấp 2, xã T P 2, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Anh Trần Q H, sinh năm 1999.
Cu trú tại: khóm T1, t.t T T T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.
(Chị N, anh H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Nhan T N trình bày: Chị và anh Trần Quang H cưới nhau vào năm 2018, trước khi cưới có tìm hiểu trước khoảng một năm, không đăng ký kết hôn, cưới xong sống bên nhà anh H được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, anh H không chăm lo gia đình, thường cãi nhau chị về gia đình chị sinh sống, từ khi không sống chung có gặp nhau hàn gắn nhưng không thành. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H, tình cảm không còn.

Về con chung: Chị N trình bày trong thời gian sống chung với anh H có con Trần Lê Thiên K, sinh ngày 09/12/2018 đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi dưỡng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N trình bày trong thời gian sống chung với anh H không có tài sản, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày trong thời gian sống chung với anh H không có nợ ai hoặc ai nợ lại, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quang H đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa anh H trình bày: Anh và chị N cưới nhau vào năm 2018, trước khi cưới có tìm hiểu trước khoảng một năm, không có đăng ký kết hôn, cưới xong sống bên nhà anh được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường cãi nhau chị N về gia đình chị, từ khi không sống chung có gặp nhau hàn gắn nhưng không thành. Nay anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung: trong thời gian sống chung với chị N có con Trần Lê Thiên K, sinh ngày 09/12/2018 đang sống với chị N, anh thống nhất giao con cho chị N nuôi dưỡng không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: trong thời gian sống chung với chị N không có tài sản, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: trong thời gian sống chung với chị N không có nợ ai hoặc ai nợ lại, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật, về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H, về con chung: Chị N được nuôi dưỡng Trần Lê Thiên K, sinh ngày 09/12/2018, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: theo xác nhận cùng ngày 11/9/2020, của Ủy ban nhân dân thị trấn Thường Thới Tiền và Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, chị N và anh H không đăng ký kết hôn. Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Tại phiên tòa chị N và anh H thống nhất ly hôn nhưng không thể công nhận sự thống nhất này, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H.

[3] Về con chung: Trần Lê Thiên K, sinh ngày 09/12/2018 đang sống với chị N, tại phiên tòa chị N và anh H thỏa thuận với nhau, chị N được nuôi dưỡng

Thiên K, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận này là tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về tài sản chung: trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa chị N và anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa chị N và anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Phát biểu của Kiểm sát viên giải quyết vụ án. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001458 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Nhan T N và anh Trần Quang H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Nhan T N và anh Trần Quang H. Chị Lê Nhan T N được nuôi dưỡng Trần Lê Thiên K, sinh ngày 09/12/2018, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Nhan T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001458 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H.N;
- Chi cục THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí D